TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Hoa.
2. Ông Hoàng Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 353/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1996.
Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Anh **Lý Thành Q**, sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
(Chị T, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2021 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Thành Q tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 180 (quyển 1/2015) ngày 09/10/2015. Vợ chồng sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Lý Thành Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung tên Lý Minh N, sinh ngày 30/5/2014, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, chị T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị.

- Đối với bị đơn anh Lý Thành Q: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lý Thành Q đều vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản nêu ý kiến về khởi kiện của chị Thanh. Theo biên bản lấy lời khai của đương sư ngày 14/4/2022, ý kiến của anh Lý Thành Quang thể hiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2014, đến năm 2015 thì đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/10/2015. Trong cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn nhỏ như những gia đình khác. Từ tháng 6/2021 đến nay vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian ly thân các bên không còn liên lạc qua lại thăm nom, chăm sóc nhau nữa. Nay chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung. Năm 2014, anh và chị T chung sống với nhau khi chị T đã mang thai con của người khác, vì thương chị T nên anh thương luôn con của chị T, do đó anh đã đứng ra làm khai sinh, cho mang họ của anh và anh đứng tên cha trong khai sinh của cháu Nguyệt. Nay ly hôn, anh không có ý kiến về con chung, Tòa án cứ nêu cháu Nguyệt là con của anh trong vụ án theo quy định, vì chị T yêu cầu nuôi cháu Nguyệt, không yêu cầu anh cấp dưỡng nên anh cũng không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Q đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh do anh làm nghề khoan giếng, phải đi nhiều nơi, công việc liên tục, không có thời gian đi lại.

Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tống đạt văn bản tố tụng: Tòa án xác định và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh Q có một con chung là cháu Lý Minh N, sinh ngày 30/5/2014, hiện đang do chị T nuôi dưỡng và bảo đảm được sự phát triển bình thường nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị T nuôi dưỡng. Tạm thời anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lý Thành Q được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Quang.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lý Thành Q cư trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về luật áp dụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Lý Thành Q đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09 tháng 10 năm 2015 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lý Thành Q tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn ngày 10/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: Chị T xin ly hôn với lý do vợ chồng không có tiếng nói chung, đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Q xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn, giữa chị T và anh Q đã chấm dứt đời sống chung của vợ chồng. Xét thấy, Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;

cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp khác…". Tuy nhiên trong thực tế, anh Q và chị T không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nên có đủ cơ sở kết luận vợ chồng anh Q và chị T thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ (bút lục 33, 34). Tòa án đã nhiều lần mời anh Q để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Q không đến, điều đó cho thấy anh Q không còn mong muốn hàn gắn, đoàn tụ. ngày 14/4/2022, anh Q đến Tòa án làm việc và có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị T. Vì vậy, chị T xin ly hôn với anh Q là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh Q có một con chung là cháu Lý Minh N, sinh ngày 30/5/2014, hiện đang do chị T nuôi dưỡng, chị T chăm sóc tốt con chung, có công việc ổn định, anh Q không có ý kiến phản hồi về việc nuôi con. Do đó, giao cháu N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu. Anh Q có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị T và anh Q có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ngày 14/4/2022, anh Q đến Tòa án làm việc và có ý kiến là cháu N không phải con của anh. Tuy nhiên, anh đồng ý đi làm khai sinh và ghi tên anh là cha cháu N trong khai sinh. Nay chị T yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con nên anh không có tranh chấp về con, nuôi con và cấp dưỡng với chị T. Xét thấy, khoản 2 Điều 88 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "… 2. Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định". Anh Q không cung cấp chứng cứ chứng minh theo quy định, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không xem xét việc xác định con. Trường hợp anh Q có yêu cầu xác định con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lý Thành Q.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lý Minh N, sinh ngày 30/5/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Anh Q được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh Q và chị T được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3 Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Thanh đã nộp theo biên lai số 0003332 ngày 10/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được trừ vào số tiền án phí chị T phải chịu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Lý Thành Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu.

Phan Thanh Hà